

Phụ lục 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
(Kèm theo Bản công bố số: 122/BCB-TTYT ngày 16/9/2025)

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng người giảng dạy đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số người học thực hành tối đa theo người giảng dạy	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng người thực hành tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng người đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	7720501	Đại học	Bác sĩ răng hàm mặt	Khám chữa bệnh răng hàm mặt; Kỹ thuật phục hồi răng	Thực hành khám, chẩn đoán bệnh lý; Kỹ thuật phục hồi răng	Các khoa lâm sàng	3	15	3	15	0	15
2	7720110	Đại học	Bác sĩ y học dự phòng	Khám, phát hiện và xử trí các bệnh thông thường	Thực hành khám, xử trí bệnh thông thường	Các khoa lâm sàng	3	15	15	15	0	15
3	7720115	Đại học	Bác sĩ y học cổ truyền	Khám, chữa bệnh đa khoa	Thực hành khám, chẩn đoán bệnh lý	Các khoa lâm sàng	2	10	25	10	0	10
4	5720102	Trung cấp	sĩ YHCT	Khám bệnh, chữa bệnh YHCT	Thực hành khám chữa bệnh YHCT	Các khoa lâm sàng	2	10	25	10	0	10
5	5720603	Trung cấp	Kỹ thuật viên hình ảnh y học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Thực hành kỹ thuật hình ảnh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	2	10	0	10	0	10

6	5720602	Trung cấp	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	Thực hành kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	Khoa xét nghiệm	2	10	0	10	0	10
7	5720604	Cao đẳng	Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu- PHCN	Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu-PHCN	Thực hiện chuyên môn của kỹ thuật viên Vật lý trị liệu-PHCN	Các khoa lâm sàng	2	10	25	10	0	10
8	7720601	Đại học	Xét nghiệm y học	kỹ thuật xét nghiệm	Thực hành kỹ thuật xét nghiệm y học	Khoa xét nghiệm	2	15	0	15	0	15
9	7720602	Đại học	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hành chẩn đoán hình ảnh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	1	5	0	5	0	5
10	6720501	Đại học	Dược	Cấp phát thuốc, Dược lâm sàng	Thực hành công tác dược	Khoa Dược-vtyt	3	15	15	15	0	15
11	6720501	Cao đẳng	Dược	Cấp phát thuốc, Dược lâm sàng	Thực hành công tác dược	Khoa Dược-vtyt	3	15	15	15	0	15
TỔNG CỘNG							25	130	123	130	0	130

Tân Hiệp, ngày 16 tháng 9 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Bùi Công Minh

Các khoa bao gồm:

1. Khoa Răng hàm mặt-Mắt-Tai mũi họng
2. Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS
3. Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng
4. Khoa Xét nghiệm
5. Khoa Chẩn đoán hình ảnh
6. Khoa Dược-Vật tư, thiết bị y tế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RẰNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

[illegible]

4	Cao Hoàng Hoa	BS	YHDP	008168/KG-CCHN	Khám, phát hiện và xử trí các bệnh thông thường	4	Thực hành khám, phát hiện và xử trí các bệnh thông thường	Hướng dẫn thực hành	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS	12
5	Nguyễn Thị Ngọc Thùy	BS	YHDP	008301/KG-CCHN	Khám, phát hiện và xử trí các bệnh thông thường	4	Thực hành khám, phát hiện và xử trí các bệnh thông thường	Hướng dẫn thực hành	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS	13
6	Bùi Ngọc Phương Anh	BS	YHDP	008168/KG-CCHN	Khám, phát hiện và xử trí các bệnh thông thường	4	Thực hành khám, phát hiện và xử trí các bệnh thông thường	Hướng dẫn thực hành	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS	14
III Bác sĩ Y học cổ truyền										
7	Trần Thế Trọng	BS	YHCT	0003597/K-G-CCHN	Khám, chữa bệnh YHCT	21	Thực hành khám, chữa bệnh YHCT	Hướng dẫn thực hành	Khoa YHCT-PHCN	25
8	Bùi Hải Yến	BS	YHCT	006935/KG-CCHN	Khám, chữa bệnh YHCT	4	Thực hành khám, chữa bệnh YHCT	Hướng dẫn thực hành	Khoa YHCT-PHCN	25
IV Y sĩ Y học cổ truyền										
9	Trần Ngọc Hà	Y sĩ	YHCT	0003596/K-G-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	20	Thực hành khám, chữa bệnh YHCT	Hướng dẫn thực hành	Khoa YHCT-PHCN	25
10	Lý Đại Khương	Y sĩ	YHCT	0003598/K-G-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	15	Thực hành khám, chữa bệnh YHCT	Hướng dẫn thực hành	Khoa YHCT-PHCN	25
V Kỹ thuật viên hình ảnh y học										
11	Nguyễn Quốc Huy	KTV	Hình ảnh Y học	006231/KG-CCHN	Kỹ thuật hình ảnh Y học	7	Thực hành kỹ thuật hình ảnh	Hướng dẫn thực hành	Khoa chẩn đoán hình ảnh	0

12	Trần Thế Sơn	KTV	Hình ảnh Y học	005404/KG-CCHN	Kỹ thuật hình ảnh Y học	10	Thực hành kỹ thuật hình ảnh	Hướng dẫn thực hành	Khoa chẩn đoán hình ảnh	0
VI Kỹ thuật viên Xét nghiệm										
13	Nguyễn Thị Phụng Dung	KTV	Xét Nghiệm	005404/KG-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	18	Thực hành kỹ thuật chuyên môn xét nghiệm	Hướng dẫn thực hành	Khoa Xét nghiệm	0
14	Nguyễn Thị Phụng	KTV	Xét Nghiệm	00001555/KG-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	8	Thực hành kỹ thuật chuyên môn xét nghiệm	Hướng dẫn thực hành	Khoa Xét nghiệm	0
VII Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu-PHCN										
15	Phạm Nguyễn Bảo Hân	KTV	Vật lý trị liệu-PHCN	0003826/KG-CCHN	KTV vật lý trị liệu-PHCN	7	Thực hành chuyên môn của kỹ thuật viên Vật lý trị liệu- PHCN	Hướng dẫn thực hành	Khoa YHCT-PHCN	25
16	Nguyễn Bảo Quyên	KTV	Vật lý trị liệu-PHCN	0005911/KG-CCHN	KTV vật lý trị liệu-PHCN	8	Thực hành chuyên môn của kỹ thuật viên Vật lý trị liệu- PHCN	Hướng dẫn thực hành	Khoa YHCT-PHCN	25
VIII Đại học Xét nghiệm Y học										
17	Nguyễn Văn Cương	Cử Nhân	Xét Nghiệm	006513/KG-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	15	Thực hành chuyên khoa xét nghiệm	Hướng dẫn thực hành	Khoa Xét nghiệm	0
18	Bùi Thị Ngọc Mai	Cử Nhân	Xét Nghiệm	001589/KG-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	16	Thực hành chuyên khoa xét nghiệm	Hướng dẫn thực hành	Khoa Xét nghiệm	0
IX Đại học Chẩn đoán hình ảnh										
19	Lê Phạm Quốc Anh	Bác sĩ	Chẩn đoán hình ảnh	000288/KG-CCHN	chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	23	Thực hành chẩn đoán hình ảnh	Hướng dẫn thực hành	Khoa chẩn đoán hình ảnh	0

X Đại học dược										
20	Kiều Quốc Phong	DS.CKI	Dược lý dược lâm sàng	1148/KG-CCHND	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức kinh doanh thuốc sau: Nhà thuốc	21	Thực hành cấp phát thuốc, dược lâm sàng	Hướng dẫn thực hành	Khoa Dược-Vật tư, TBYT	0
21	Trần Thị Bích Lan	DS.CKI	Dược lý dược lâm sàng	178/KG-CCHND	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức kinh doanh thuốc sau: Nhà thuốc	18	Thực hành cấp phát thuốc, dược lâm sàng	Hướng dẫn thực hành	Khoa Dược-Vật tư, TBYT	0
22	Bùi Thị Hương Lan	DSDH	Dược học	300/KG-CCHND	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức kinh doanh thuốc sau: Nhà thuốc	19	Thực hành cấp phát thuốc, dược lâm sàng	Hướng dẫn thực hành	Khoa Dược-Vật tư, TBYT	0
XI Cao đẳng dược										
23	Phạm Thị Ngọc Hiền	DSCĐ	Dược	2729/CCH N-D-SYT-KG	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức kinh doanh thuốc sau: Quầy thuốc	18	Thực hành cấp phát thuốc, dược lâm sàng	Hướng dẫn thực hành	Khoa Dược-Vật tư, TBYT	0
24	Hoàng Thị Bích Hợp	DSCĐ	Dược	2755/CCH N-D-SYT-KG	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức kinh doanh thuốc sau: Quầy thuốc	19	Thực hành cấp phát thuốc, dược lâm sàng	Hướng dẫn thực hành	Khoa Dược-Vật tư, TBYT	0
25	Phạm Thị Thu Thủy	DSCĐ	Dược lý dược lâm sàng	2740/CCH N-D-SYT-KG	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức kinh doanh thuốc sau: Quầy thuốc	15	Thực hành cấp phát thuốc, dược lâm sàng	Hướng dẫn thực hành	Khoa Dược-Vật tư, TBYT	0

Tân Hiệp, ngày 16 tháng 9 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Bùi Công Minh

Phụ lục 3
DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản công bố số: 122 /BCB-TTYT ngày 16 / 9 /2025)

1. Hội trường:

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Hội trường lớn	01	
2	Hội trường nhỏ	01	
3	Máy chiếu	02	
4	Màn chiếu	02	
5	Bút trình chiếu	01	
6	Máy vi tính xách tay	02	
7	Ti Vi 55 Inch	01	
8	Mạng Internet	02	

2. Khoa Hồi sức cấp cứu:

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
01	Monitor	02	
02	Máy thở	01	
03	Máy sốc điện	01	
04	Bình oxy	05	
05	Máy điện tim	02	
06	Máy hút đờm	03	
07	Máy truyền dịch	02	
08	Bơm tiêm điện	02	
09	Bộ đặt nội khí quản	03	
10	Bộ mở khí quản	01	

11	Siêu âm tại giường	01	
12	Bóp bóng	05	
13	Bộ huyết áp	03	
14	Cân	01	
15	Bộ rửa dạ dày	02	
16	Giường bệnh	16	
17	Máy rửa dạ dày	01	
18	Máy SpO2 để bàn	01	
19	Máy truyền dịch	02	
20	Bơm tiêm điện	02	
21	Đèn soi mạch	01	

3. Khoa Nội tổng hợp:

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
01	Máy khí dung	05	
02	Máy đo SpO2	03	
03	Bình oxy	03	
04	Máy điện tim	02	
05	Máy hút đờm	01	
06	Bóp bóng	02	
07	Bộ huyết áp	04	
08	Cân	02	
09	Giường bệnh	120	
10	Máy đo chức năng hô hấp	01	
11	Nhiệt kế	10	

4. Khoa Ngoại tổng hợp:

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
-----	--------------	----------	---------

01	Phòng mổ ²	02	
02	Bàn mổ	03	
03	Máy gây mê	01	
04	Monitor	01	
05	Bàn bó bột	01	
06	Bộ dụng cụ cura bột	01	
07	Khung nẹp	04	
08	Bộ vi phẫu	02	
09	Bộ tiểu phẫu	10	
10	Đèn gù	02	
11	Đèn đọc phim	01	
12	Bộ đặt nội khí quản	01	
13	Bộ mở khí quản	01	
14	Các bộ đay nắn chỉnh xương	10	
15	Bộ huyết áp	04	
16	Giường bệnh	12	
17	Cân	01	
18	Đèn mổ	03	
19	Máy hút dịch	01	

5. Khoa Nhi:

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
01	Máy khí dung	02	
02	Máy đo SpO2	02	
03	Bình oxy	02	

04	Nhiệt kế	12	
05	Máy hút đờm	01	
06	Đèn gù	01	
07	Đèn soi mạch	01	
08	Bóp bóng	01	
09	Bộ huyết áp	04	
10	Lồng kính	01	
11	Cân	02	
12	Giường bệnh	59	

6. Khoa Truyền nhiễm:

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
01	Máy đo SpO2	05	
02	Bình oxy	02	
03	Nhiệt kế	11	
04	Máy thở	01	
05	Máy điện tim	01	
06	Máy SpO2 để bàn	01	
07	Bộ nội khí quản	01	
08	Bộ huyết áp	04	
09	Cân	01	
10	Giường bệnh	20	
11	Máy phun khí dung	01	

7. Khoa CSSKSS:

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
01	Máy đo SpO2	05	

02	Bình oxy	02	
03	Máy hút đàm	01	
04	Doppler tim thai	01	
05	Monitor	02	
06	Bộ sanh thường	05	
07	Bộ sanh cắt tầng sinh môn	02	
08	Bộ đặt dụng cụ tử cung	02	
09	Bộ hồi sức sơ sinh	01	
10	Bộ khám phụ khoa	05	
11	Bộ huyết áp	02	
12	Cân	02	
13	Giường bệnh	18	
14	Đèn sưởi ấm	03	
15	Máy hút sản phụ khoa	02	
16	Lồng ấp sơ sinh	01	
17	Bóp bóng sơ sinh	01	

8. Khoa YHCT và PHCN:

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
01	Máy điện châm	06	
02	Máy điện xung	02	
03	Lazer châm	01	
04	Máy siêu âm điều trị	02	
05	Máy kéo dẫn cột sống bằng điện	01	
06	Máy kéo cột sống cổ	01	
07	Bộ dụng cụ tập vận động	03	
08	Bộ khung tập vận động	02	

09	Các bộ tập PHCN	01	
10	Huyết áp	02	
11	Cân	01	
12	Giường bệnh	43	
13	Quầy thuốc YHCT	01	
14	Đèn hồng ngoại	05	
14	Máy vật lý trị liệu	05	

Tân Hiệp, ngày 16 tháng 9 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Bùi Công Minh